

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2022/LĐ-PT
Ngày 23-8-2022
V/v Tranh chấp về yêu cầu
BTTH do đơn phương chấm
dứt hợp đồng lao động trái
pháp luật

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Hồng Vân.

Các Thẩm phán:

Bà Trương Thị Tuyền;

Ông Nguyễn Văn Bình.

Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Nguyệt Ánh – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên: Ông Nguyễn Trần An – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 05/2020/TLPT-LĐ ngày 01 tháng 8 năm 2022 về việc “Tranh chấp về yêu cầu bồi thường thiệt hại do đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật”.

Do bản án lao động sơ thẩm số: 01/2022/LĐ-ST ngày 22 tháng 6 năm 2022 của Toà án nhân dân huyện G, tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 02/2022/QĐ-PT ngày 02 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

I. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1972; nơi cư trú: 39/6A, Phan Đăng L, khu phố Th, thị trấn D, thị xã D, thành phố Bình Dương, tỉnh Bình Dương.

Địa chỉ tạm trú: 1418, đường DT 781, ấp N, xã B, huyện D, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

2. *Bị đơn*: Bà Phạm Kim H1, sinh năm 1969; nơi cư trú: Ô 4/167, khu phố T, thị trấn G, huyện G, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Ông Nguyễn Thành T, sinh năm 1968; nơi cư trú: Ô 4/167, khu phố T, thị trấn G, huyện G, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

4. *Người kháng cáo*: nguyên đơn – Bà Nguyễn Thị H và bị đơn – Bà Phạm Kim H1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Bà Nguyễn Thị H trình bày:

Ngày 21-5-2021, bà có ký hợp đồng lao động với bà Phạm Kim H1, làm việc tại Nhà nghỉ Thanh Nh – địa chỉ: khu phố R, thị trấn G, huyện G, tỉnh Tây Ninh. Thời hạn hợp đồng là 01 năm, công việc: tiếp khách, tính tiền, giặt đồ, bán nước, tắt đèn, mở đèn, quét sân. Mức lương là 4.500.000 đồng/tháng, sau khi khấu trừ đóng tiền bảo hiểm 500.000 đồng, bà thực lãnh số tiền 4.000.000 đồng. Bà làm việc đến ngày 15-7-2021, bà H1 đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động mà không thông báo trước cho bà biết. Lý do bà H1 chấm dứt hợp đồng: Do khoảng 01 giờ sáng ngày 15-7-2021, giữa bà và bà H1 có mâu thuẫn về việc nói chuyện với khách thuê trọ, nên khoảng 06 giờ ngày 15-7-2021, khi bà đang làm việc thì bà H1 yêu cầu bà nghỉ việc. Bà đã nhận đủ tiền lương đến ngày 15-7-2021, bà H1 có trả lại cho bà tiền đóng bảo hiểm 02 tháng là 1.000.000 đồng. Nay bà khởi kiện yêu cầu bà H1 có trách nhiệm bồi thường cho bà 10 tháng tiền lương với tổng số tiền 45.000.000 đồng. Bà không đồng ý trở lại làm việc cho bà H1.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Phạm Kim H1 trình bày:

Bà thống nhất về thời gian ký hợp đồng, công việc, mức lương mà bà H trình bày. Bà là vợ của ông Nguyễn Thành T - người được ông Nguyễn Văn L ủy quyền quản lý Nhà nghỉ Thanh Nh. Thực tế là vợ chồng bà thuê lại nhà nghỉ của ông Lia. Do có mâu thuẫn từ ngày 09-7-2021 kéo dài đến ngày 15-7-2021, do bà H có làm sai quy định về dẫn khách vào thuê trọ, có lời lẽ xúc phạm, xô xát với vợ chồng bà nên đến ngày 15-7-2021, bà cho bà H nghỉ việc, mà không có thông báo cho bà H biết về việc chấm dứt hợp đồng. Việc bà chấm dứt hợp đồng lao động với bà H là đúng theo quy định của pháp luật. Nên không đồng ý bồi thường theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, Ông Nguyễn Thành T trình bày:

Ông là chồng của bà Phạm Kim H1, là người được ông Nguyễn Văn L ủy quyền quản lý Nhà nghỉ Thanh Nh, thực tế là thuê lại Nhà nghỉ Thanh Nh. Nên việc vợ chồng ông ký hợp đồng lao động với bà H là phù hợp với quy định của pháp luật. Trong quá trình làm việc, bà H có lời lẽ xúc phạm, xô xát với vợ chồng ông nên vợ ông chấm dứt hợp đồng lao động với bà H là hợp pháp, nên không đồng ý bồi thường theo yêu cầu khởi kiện của bà H. Khi chấm dứt hợp đồng lao động, vợ chồng ông không có thông báo cho bà H biết trước.

Tại Bản án sơ thẩm số: 01/2022/LĐ-ST, ngày 22 tháng 6 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Tây Ninh, tuyên xử.

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 32, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các khoản 2 Điều 3, Điều 18, điểm b khoản 1 Điều 20, điểm b khoản 2 Điều 36, Điều 41, khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Lao động năm 2019;

Căn cứ Điều 12, 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H đối với bà Phạm Kim H1 về việc “Tranh chấp về yêu cầu bồi thường thiệt hại do đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật”.

Buộc bà Phạm Kim H1 có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị H số tiền 13.500.000 đồng (mười ba triệu năm trăm ngàn đồng).

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí, quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 06-7-2022, bà Nguyễn Thị H là nguyên đơn có đơn kháng cáo yêu cầu xem xét lại toàn bộ nội dung vụ án. Theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện, buộc bà H1 phải có trách nhiệm bồi thường cho bà H số tiền tương đương 10 tháng tiền lương còn lại là 45.000.000 đồng (bốn mươi lăm triệu đồng).

Ngày 11- 7-2022, bà Phạm Kim H1 có đơn kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm xử bác đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị H.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Phía nguyên đơn trình bày: Thay đổi yêu cầu kháng cáo, chỉ yêu cầu bà H1 trả thêm 02 tháng tiền lương là 9.000.000 đồng (chín triệu đồng).

Phía bị đơn trình bày: Giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Thành T trình bày: ông là chồng của bà Phạm Kim H1, là người được ông Nguyễn Văn L ủy quyền quản lý Nhà nghỉ Thanh Nh, nay bà H kháng cáo, ông không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của bà H.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng thực hiện đúng theo quy định pháp luật của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị H, bà Phạm Kim H1. Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số: 01/2022/LĐ-ST, ngày 22 tháng 6 năm 2022 của Toà án nhân dân huyện G, tỉnh Tây Ninh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Xét kháng cáo của bà Nguyễn Thị H và bà Phạm Kim H1 thấy rằng:

[1.1] Ngày 21-5-2021, bà H1 có ký hợp đồng lao động với bà H, làm việc tại Nhà nghỉ Thanh Nh – địa chỉ: khu phố R, thị trấn G, huyện G, tỉnh Tây Ninh. Thời hạn hợp đồng là 01 năm, công việc: tiếp khách, tính tiền, giặt đồ, bán nước, tắt đèn, mở đèn, quét sân. Mức lương là 4.500.000 đồng/tháng, sau khi khấu trừ đóng tiền bảo hiểm 500.000 đồng, bà thực lãnh số tiền 4.000.000 đồng. Ngày 15-7-2021, bà H1 đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động với bà H mà không thông báo cho bà H biết trước. Xét thấy, hợp đồng lao động giữa bà H và bà H1 thuộc loại hợp đồng có thời hạn 01 năm. Do đó, khi người sử dụng muốn đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động, thì phải báo trước cho người lao động ít nhất 30 ngày theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 36 của Bộ luật Lao động.

Cho nên việc bà H1 đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động với bà H là trái pháp luật. Do đó, yêu cầu khởi kiện của bà H là có căn cứ theo quy định tại Điều 41 của Bộ luật Lao động. Tuy nhiên, trong thời gian tháng 7-2021, tình hình dịch bệnh Covid -19 diễn biến phức tạp, Ban Chỉ đạo phòng chống dịch COVID-19 tỉnh Tây Ninh đã áp dụng giãn cách xã hội theo Chỉ thị 16/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ và Chỉ thị số 15/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ để phòng dịch COVID-19;

thời gian áp dụng giãn cách xã hội kể từ 00 giờ ngày 15-7-2021. Ông Tâm, bà H1 trình bày, do dịch bệnh ảnh hưởng đến việc kinh doanh nên đã trả lại nhà nghỉ cho ông Nguyễn Văn L – chủ doanh nghiệp tư nhân Nhà nghỉ Thanh Nh từ giữa tháng 7-2021. Tại tờ tường trình gửi cho Tòa án, ông Nguyễn Văn L trình bày, bà H1 đã trả lại nhà nghỉ cho ông từ ngày 23-7-2021; tại biên bản lấy lời khai ngày 20-4-2022, ông Nguyễn Thanh Ph trình bày, bà H1 đã trả nhà nghỉ cho ông L từ giữa tháng 7-2021, ông là người trực tiếp quản lý nhà nghỉ, đến tháng 10-2021, ông chính thức ký hợp đồng thuê lại Nhà nghỉ Thanh Nh của ông L. Do đó, có cơ sở khẳng định, vợ chồng ông T, bà H1 đã không còn thuê Nhà nghỉ Thanh Nh từ giữa tháng 7-2021, nên không còn nhu cầu sử dụng lao động để phục vụ cho việc kinh doanh. Do bà H1 trả lại nhà nghỉ, không còn hoạt động kinh doanh nên việc bà H khởi kiện yêu cầu bà H1 bồi thường tiền lương trong những ngày không được làm việc là không có cơ sở chấp nhận. Cấp sơ thẩm buộc bà H1 có trách nhiệm trả cho bà H 13.500.000 đồng là có căn cứ.

Bà H, bà H1 kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của mình.

[2] Từ những nhận định trên không có căn cứ chấp nhận đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị H và bà Phạm Kim H1. Chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số: 01/2022/LĐ-ST, ngày 22 tháng 6 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Tây Ninh.

[3] Về án phí dân sự phúc thẩm: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Bà H được miễn án phí phúc thẩm.

Do kháng cáo của bà Phạm Kim H1 không được chấp nhận nên bà H1 phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[4] Các Quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 32 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 3, Điều 18, điểm b khoản 1 Điều 20, điểm b khoản 2 Điều 36, Điều 41, khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Lao động năm 2019; điểm a khoản 1 Điều 12, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị H và bà Phạm Kim H1.

2. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số: 01/2022/LĐ-ST, ngày 22 tháng 6 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Tây Ninh.

3. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H đối với bà Phạm Kim H1 về việc “Tranh chấp về yêu cầu bồi thường thiệt hại do đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật”.

4. Buộc bà Phạm Kim H1 có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị H số tiền 13.500.000 (mười ba triệu năm trăm ngàn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành còn phải chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

4. Về án phí:

4.1. Về án phí sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị H được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Phạm Kim H1 phải chịu 405.000 đồng (bốn trăm linh năm nghìn đồng).

4.2. Về án phí phúc thẩm:

Bà Nguyễn Thị H được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

Bà Phạm Kim H1 phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí phúc thẩm nhưng được khấu trừ từ tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu số 0024516 ngày 11/7/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Tây Ninh.

5. Các Quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi

hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Vụ Giám đốc kiểm tra II-TANDTC;
- TANDCC tại TP. Hồ Chí Minh;
- VKSNDCC tại TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- TAND huyện G;
- Chi cục THADS huyện G;
- Đương sự;
- Phòng HCTP-TAND tỉnh Tây Ninh;
- Phòng KTNV-THA;
- Lưu: hồ sơ, lưu trữ, tập án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Đã ký

Phạm Thị Hồng Vân